

Số: /GPMT-UBND

Sơn La, ngày tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 841/CV/GMS/2024 ngày 25/11/2024 của Công ty cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi; Công văn số 359/CV-MCM ngày 13/5/2025 của Công ty cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 454/TTr-SNNMT ngày 20/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu (địa chỉ số 912 đường Thảo Nguyên, tổ dân phố Trung Nguyên, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại Tổ dân phố Khí Tượng, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La với những nội dung sau.

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Khí Tượng, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500154060, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28/5/2021 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5856640121, chứng nhận lần đầu ngày 28/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

1.4. Mã số thuế: 5500154060.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thức ăn chăn nuôi.

1.6. Phạm vi quy mô, công suất

- Tổng diện tích: 21.499 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 05 tấn/giờ (*trung bình 22.000 tấn/năm*).

- Sản phẩm: Bột viên, bột hỗn hợp và bột bê.

- Quy trình công nghệ.

+ Quy trình cắt sản: Sản củ → Máy cắt → Sản dạng miếng → Dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi.

+ Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi: Nguyên liệu thô (*ngô, cám, sản,...*) → Nghiền nhỏ → Phối trộn → Ép viên → Sấy khô → Làm nguội → Sàng phân loại → Đóng gói, bảo quản.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần giống bò sữa

Mộc Châu:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*từ ngày tháng 5 năm 2025 đến hết ngày tháng 5 năm 2035*).

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp Giấy phép môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, KH&CN;
- UBND thị xã Mộc Châu;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục số 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường (*cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và bể tách mỡ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thị xã Mộc Châu, không xả thải trực tiếp ra môi trường*).

- Đã có chấp thuận đầu nối thoát nước thải sinh hoạt sau xử lý cục bộ của Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thuộc Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại Công văn số 5281/UBND-KTHT ngày 15/11/2024 của UBND huyện Mộc Châu (*nay là thị xã Mộc Châu*) kèm Biên bản xác nhận đầu nối nước thải sinh hoạt ngày 21/01/2025.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực xưởng sản xuất được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 03 ngăn thể tích 10m³ (*bể tự hoại khu sản xuất*) sau đó theo đường ống HDPE D110 dài 180m để dẫn ra hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thị xã Mộc Châu. Trên đoạn đường ống thu gom, thoát nước thải bố trí 03 hố ga để lắng cặn.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh khu văn phòng được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại ba ngăn thể tích 10m³ (*bể tự hoại khu văn phòng*) sau đó theo đường ống HDPE D110 dài 2m nối vào đường ống thoát nước thải khu vực xưởng sản xuất (*nguồn số 01*) để dẫn ra hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thị xã Mộc Châu.

- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà ăn (*cạnh khu vực vệ sinh khu sản xuất*) được xử lý sơ bộ bằng 01 thiết bị tách mỡ dung tích 15 lít sau đó đầu nối chung vào đường ống HDPE D110 dài 180m khu vực xưởng sản xuất (*nguồn số 01*) để dẫn ra hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thị xã Mộc Châu.

Tọa độ đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thị xã Mộc Châu: X= 2304705; Y= 570608 (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰⁰', múi chiếu 3⁰*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại 03 ngăn (*ngăn chứa và lên men → Ngăn lắng → Ngăn lọc*) → đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thị xã Mộc Châu.

- Số lượng: 02 bể tự hoại 03 ngăn (*khu vực nhà điều hành và nhà xưởng sản xuất*) thể tích mỗi bể 10m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.2.1. Thiết bị tách mỡ

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải nhà bếp → Song chắn rác → Thiết bị tách mỡ 03 ngăn → đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thị xã Mộc Châu.

- Số lượng: 01 thiết bị, thể tích 15 lít.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại và chuyển giao đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Đảm bảo vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND thị xã Mộc Châu thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với hoạt động của cơ sở, kiểm soát việc thu gom đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thị xã Mộc Châu. Thanh toán chi phí xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh (*nếu có*).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Phối hợp chặt chẽ với UBND thị xã Mộc Châu thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cơ sở Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi. Thu gom, xử lý nước thải

sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở về hệ thống xử lý nước thải của thị xã Mộc Châu để xử lý đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động cơ sở. Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt. Tuyệt đối không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường.

3.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung thị xã Mộc Châu để tiếp tục xử lý, không được phép xả nước thải ra môi trường.

Phụ lục số 02**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Nguồn số 01: Lò đốt cấp nhiệt cho lò hơi (01 lò).

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải**2.1. Vị trí xả bụi, khí thải**

- Dòng khí thải số 01: Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tọa độ xả khí thải như sau: $X = 2304691$; $Y = 570725$ (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của cơ sở Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại Tổ dân phố Khí Tượng, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải lớn nhất $6.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải

- Phương thức xả: Xả cưỡng bức.
- Thời gian xả thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, $K_p=1$, $K_v=0,8$ (áp dụng đến ngày 31/12/2031) và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B (áp dụng từ ngày 01/01/2032), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009 /BTNMT	QCVN 19:2024 /BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	40	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	800	200		
3	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	mg/Nm ³	400	130		
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680	150		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nguồn số 01: Được thu gom bằng quạt hút theo đường ống thu gom về hệ thống xử lý khí thải để xử lý trước khi xả thải ra môi trường qua ống khói chiều cao 7m, đường kính 0,28m.

- Nguồn số 02 (*bụi phát sinh từ quá trình cắt sản làm nguyên liệu sản xuất*): Được thu gom bằng quạt hút theo đường ống về cyclone kết hợp với túi vải thu bụi (*thiết bị được thiết kế đồng bộ với máy cắt sản*), bụi được thu gom tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03 (*bụi phát sinh từ quá trình đổ nguyên liệu vào dây chuyền sản xuất*): Được thu gom bằng quạt hút về hệ thống thu bụi bằng túi vải (*thiết bị được thiết kế đồng bộ với dây chuyền sản xuất*), bụi được thu gom tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Nguồn số 01

- Quy trình công nghệ: Khí thải → thiết bị tách bụi Cyclone → quạt hút → Bể đập bụi ướt → Ống khói ($D=0,28m$; $H=7m$) → môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: $6.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Nguồn số 02

- Quy trình công nghệ: Bụi → quạt hút → cyclone kết hợp với túi vải thu bụi → buồng thu bụi → tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất (*không xả thải ra môi trường*).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.3. Nguồn số 03

- Quy trình công nghệ: Bụi → quạt hút → hệ thống thu bụi bằng túi vải (*bộ lọc của túi lọc bụi được trang bị hệ thống khí nén để làm sạch túi vải một cách tự động 15 phút/lần*) → hồ nhập liệu → tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất (*không xả thải ra môi trường*).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định Điều 98 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, duy tu bảo dưỡng thiết bị, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp hiệu quả xử lý không đạt yêu cầu cần tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời để đảm bảo hoạt động ổn định.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc không có khả năng xử lý đạt yêu cầu, nhà máy sẽ tạm dừng sản xuất và tiến hành sửa chữa, khắc phục và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Trang bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, bơm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (*dự kiến 03 ngày trong giai đoạn vận hành ổn định của cơ sở*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt cấp nhiệt cho lò hơi (*nguồn số 01*).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Ổng khói của hệ thống xử lý khí thải của lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (*03 mẫu bụi, khí thải đầu ra*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục số 03
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực máy cắt sắt.
- Nguồn số 03: Khu vực dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (là nguồn cố định, phân tán hoặc di động) trong khuôn viên cơ sở Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại Tổ dân phố Khí Tượng, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	70	55	-	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	-	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại nhằm giảm tối đa khả năng phát sinh tiếng ồn.
- Hệ thống máy móc vận hành tại cơ sở được định kỳ bảo dưỡng theo đúng quy trình; yêu cầu công nhân vận hành máy móc theo đúng quy trình kỹ thuật và không hoạt động quá tải; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Trồng cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn cản và giảm tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hỏng hóc. Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

Phụ lục số 04**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	280	17 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	120	17 02 03
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	10	18 01 01
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	30	18 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	12	16 01 06
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	20	16 01 13
	Tổng		472	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Khối lượng trung bình (tấn/năm)
1	Bùn thải từ bể tự hoại	1
2	Bìa carton	2,5
3	Bao dứa phế liệu	50,7
4	Sắt, thép, tôn các loại thải	0,6
5	Tro, xỉ, bụi, bùn lắng từ lò hơi	50,1
6	Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước	0,2
7	Túi vải lọc bụi hồng	0,02
	Tổng	105,12

Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 1,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được phân loại, thu gom và lưu trữ riêng vào các thùng chứa có dán nhãn cảnh báo nguy hại cho từng loại chất thải đảm bảo quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí kho lưu chứa diện tích 9m², đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (*Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường công nghệ cao Hòa Bình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại*).

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn từ bể tự hoại: Định kỳ hàng năm (*tùy thuộc mức độ sử dụng*) thuê đơn vị chức năng hút bùn bể phốt xử lý theo quy định.

- Tro, xỉ, bụi, bùn lắng phát sinh từ lò hơi sẽ được đơn vị vận hành lò hơi là Công ty cổ phần đầu tư sản xuất Năng Lượng Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước của cơ sở sẽ được tận dụng để bón cây xanh trong khuôn viên cơ sở.

- Túi vải lọc bụi hồng được chủ cơ sở thuê đơn vị có năng lực đến thay thế và mang đi xử lý, không lưu giữ tại cơ sở.

- Các loại chất thải có thể tái chế, tái sử dụng (*chủ yếu là bao bì, bì carton, kim loại thải,...*) sẽ được thu gom về kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường của cơ sở (*diện tích khoảng 142,5m², kết cấu nền xi măng chống thấm nước, tường bao bằng tôn, mái lợp tôn*) và chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa để thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn.

- Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng: Tập kết về kho chất thải rắn công nghiệp thông thường để bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm, chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ thu gom và giao cho đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt của khu vực vào cuối ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

Phụ lục số 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /5/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu và Giấy xác nhận việc đã thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu số 2694/GXN ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh. Một số nội dung thay đổi so với hồ sơ trên được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, hóa chất, xây dựng, công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về khoảng cách an toàn, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; tuân thủ thẩm định, duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở được đề ra trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

6. Khí thải phát sinh từ 01 máy phát điện dự phòng (*công suất 220 kVA; nhiên liệu sử dụng là dầu DO*), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

9. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.